

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 282/2020/HS-ST
Ngày 16/9/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hạnh.
2. Ông Dương Thanh Trung.

Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Bích Diệu, thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Toàn, Kiểm sát viên.

Ngày 16/9/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 256/2020/HS-ST ngày 12/8/2020, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 309/2020/QĐXXST-HS ngày 03/9/2020 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị H (tên gọi khác: T), sinh ngày 17/7/1987, tại tỉnh Nghệ An.

Nơi cư trú: Thôn 3, xã Ea, huyện Cư K, tỉnh Đắk Lắk.

Nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1955; Bị cáo có chồng là Nguyễn Thái B, sinh năm 1993, có 02 con lớn nhất sinh năm 2014, con nhỏ nhất sinh năm 2018; Tiền án: 01 Bản án số 144/HSST ngày 07/6/2019 bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tuyên phạt 03 năm 06 tháng tù về tội mua bán trái phép chất ma túy, bị cáo chưa chấp hành án do đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi. Tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 04/02/2020 hiện đang tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố B; Có mặt tại phiên tòa.

2. Lương Thanh T, (tên gọi khác: C), Sinh ngày 04/10/1995, tại tỉnh Đắk Lắk.

Nơi cư trú: Thôn Cao T, xã Ea, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Lương Trung H, Sinh năm 1963 và bà Hồ Thị N, Sinh năm 1970; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/02/2020, hiện đang tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố B; Có mặt tại phiên tòa.

3. Chung Thị Tuyết M (tên gọi khác: B), Sinh ngày 21/9/1991, tại thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi cư trú: 78/26 đường số 6, phường Tân P, Quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 05/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Đoàn Ngọc C, sinh năm 1966 và bà Chung Thị S, sinh năm 1972; Bị cáo chưa có chồng, con; Tiền án: 03; Tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 30/10/2013 bị Tòa án nhân dân Quận Thủ Đức xử phạt 09 tháng tù về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, tại Bản án số 186/2013/HSST.

- Ngày 02/4/2015 bị Tòa án nhân dân Quận Thủ Đức xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, tại Bản án số 99/2015/HSST.

- Ngày 26/10/2017 bị Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, tại Bản án số 278/2017/HSST. Ngày 19/10/2019 chấp hành xong hình phạt tù, bị can chưa được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/02/2020, hiện đang tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố Buôn Ma Thuột; Có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Ngô Thị P; Nơi cư trú: 120/127 Y, phường Ea, thành Phố B, tỉnh Đắk Lắk; Có mặt.

2. Bà Đồng Thị Phương L; Nơi cư trú: 122/18 Mai Hắc Đ, thành Phố B, tỉnh Đắk Lắk; Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Anh Nguyễn Văn B; Nơi cư trú: Buôn K, xã Ea K, thành Phố B, tỉnh Đắk Lắk; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị H, Lương Thanh T đều là người nghiện ma túy. Từ đầu năm 2019, H và T có quan hệ tình cảm, sống chung với nhau như vợ chồng. Đến khoảng tháng

12/2019, H, T cùng nhau thuê dãy trọ gồm 03 phòng với giá là 1.200.000đ/tháng và dùng phòng đầu tiên để làm phòng ngủ, phòng giữa dùng để ăn uống và sử dụng ma túy, phòng cuối cùng dùng để làm phòng bếp tại địa chỉ 120/6/1 Y W, phường Ea, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Do không có việc làm ổn định nên H và T nảy sinh ý định mua ma túy đá về sử dụng và bán lại để kiếm tiền lời. Qua bạn ngoài xã hội, H quen biết với Chung Thị Tuyết M là người nghiện chất ma túy. H dùng số điện thoại 0379888801 liên lạc với M qua số điện thoại 0936551654 để nhờ mua ma túy thì M đồng ý. Sau đó, T cầm cổ xe mô tô cho người quen ngoài xã hội được số tiền 8.000.000 đồng và đưa cho H giữ. Vào tối ngày 29/01/2020, T cùng H đón xe khách đi thành phố Hồ Chí Minh để mua ma túy. Đến khoảng 04 giờ sáng ngày 30/01/2020, cả hai xuống xe tại ngã tư Bình Phước rồi gọi M ra đón. Sau đó, cả ba cùng nhau đi taxi đến một phòng trọ ở quận Thủ Đức gặp một đôi nam nữ tên T và Đ (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) để hỏi mua ma túy. T lấy ma túy ra cho T, H, M sử dụng và báo giá là 5.200.000 đồng/hộp mười, H đồng ý mua. H nhờ M cất giấu gói ma túy đem về thành phố Buôn Ma Thuột thì M đồng ý. Sau đó, cả ba đón xe khách cùng nhau đi về thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Khi về đến phòng trọ của T, H thì M lấy bạch ma túy đưa cho H rồi đi chơi. H đưa lại bạch ma túy cho T cất giấu trong phòng ngủ rồi phân chia bạch ma túy này thành nhiều gói ma túy nhỏ và bán cho người nghiện với giá từ 300.000 đồng – 500.000 đồng/bịch. Số tiền bán ma túy có được, T và H dùng một phần để chi tiêu ăn uống sinh hoạt hàng ngày, số tiền còn lại T dùng để chơi bắn cá. Do hết tiền nên T tiếp tục nói H vay số tiền 10.000.000 đồng để mua ma túy về bán. Vào sáng ngày 01/02/2020, H vay của bạn là Đồng Thị Phương L số tiền 10.000.000 đồng đưa cho T để cùng M đi thành phố Hồ Chí Minh mua ma túy. Nhưng do không đủ tiền đi lại nên T bỏ thêm 1.000.000 đồng, tổng cộng là 11.000.000 đồng đưa lại cho H để H đưa tiền cho M. Do vé xe Tết cao nên H đưa thêm tiền cho M tổng cộng là 11.300.000 đồng. M đón xe khách đi thành phố Hồ Chí Minh mua của T 01 bạch ma túy với giá là 10.400.000 đồng. Lúc này, M gọi điện thoại cho H báo là hết tiền đi về nên T, H gọi điện thoại đặt xe khách cho M đi về thành phố B. Khoảng 02 giờ sáng ngày 02/02/2020, do có nhu cầu sử dụng ma túy nên T đến đường Nguyễn Viết X, mua 01 bạch ma túy đá với giá tiền là 400.000 đồng từ một người nam giới tên L (chưa xác định được nhân thân, lai lịch), T mang về phòng trọ và lấy ra một ít ma túy bỏ vào trong nỏ sử dụng, gói ma túy còn lại T cất giấu trong hộp nhựa màu xanh để trong tủ gỗ ở phòng ngủ. Đến chiều cùng ngày, H gọi điện thoại hỏi M về đến đâu rồi và dặn M xuống xe tại trước nhà thờ Duy Hòa. M xuống xe đi taxi về phòng trọ của H. T ra đón M và trả tiền taxi là 50.000 đồng. Lúc này, M lấy bạch ma túy được quán băng keo đen bên ngoài đưa cho H rồi tắm rửa và đi chơi, còn H đưa bạch ma túy cho T gỡ băng keo đen ra rồi cất giấu bạch ma túy trong hộp nhựa màu xanh để ở phòng ngủ. Đến khoảng 10 giờ ngày 03/02/2020, M quay lại phòng trọ của T, H ngồi chơi ở phòng giữa. Một lúc sau, có bạn của T là Nguyễn Văn B đến ngồi chơi ở phòng giữa. Lúc này, T lấy bình nỏ còn đang còn chứa ma túy đá ra và rủ M, B cùng sử dụng trong lúc H đang nấu ăn ở phòng cuối. Sau đó, H dọn cơm rồi cùng T, M ăn cơm. Ăn cơm xong, T tiếp tục lấy bình nỏ ra để cùng sử dụng ma túy đá với B, M. Do trong nỏ hết

ma túy nên T nói H đi về phòng ngủ lấy chiếc hộp nhựa màu xanh cất giấu ma túy mang qua phòng giữa. H mở hộp nhựa ra lấy bạch ma túy nhỏ còn lại mà T sử dụng chưa hết đưa cho B và để hộp nhựa trên bàn. B lấy ra một ít ma túy đá bỏ vào trong nỏ rồi hàn gói ma túy lại để trên bàn. T, H, B, M cùng sử dụng ma túy với nhau tại phòng giữa của dãy trọ. Một lúc sau, có một người nam giới xưng là “em của Ken” gọi điện thoại cho T hỏi mua ma túy. T đi ra trước phòng nghe điện thoại thì thấy người này đứng sẵn ở trước dãy trọ rồi và đưa cho T số tiền 300.000 đồng. Ngay khi chưa kịp bán ma túy thì bị lực lượng Công an phường E, thành phố B đến kiểm tra dãy trọ. Lúc này người nam giới đến mua ma túy bỏ chạy. Thấy vậy, H lấy bạch ma túy từ hộp nhựa đổ vào ca nước để tiêu hủy, do hoảng sợ nên H để cho một số ma túy đổ ra nền nhà trong phòng. Công an phường E đã gom số chất tinh thể màu trắng dưới nền nhà vào trong 01 gói nylon và phát hiện trên bàn có 01 gói nylon chứa chất tinh thể màu trắng nên tiến hành niêm phong vào trong một phong bì thư theo quy định của pháp luật.

Tại Bản kết luận giám định số 88/GĐMT-PC09 ngày 13/02/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Chất rắn dạng tinh thể màu trắng đựng trong 02 gói nylon được niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 3,8372gam, loại: Methamphetamine.

Đồ vật tài liệu bị tạm giữ: 01 điện thoại di động hiệu iPhone 6 phía trước màu trắng mặt lưng màu vàng gắn sim số 0379888801, IMEI: 358369061843329; 01 điện thoại di động hiệu Mobiistar màu trắng không có nắp lưng model B223 gắn sim số 0945999901, 0944198090; 01 điện thoại di động hiệu itel màu xanh gắn sim số 0936551654; 01 điện thoại di động hiệu iPhone 4 màu đen không gắn sim, IMEI: 013043000121777; 01 máy tính bảng hiệu Samsung màu trắng và số tiền 300.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số: 262/CT-VKS. BMT ngày 11/8/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột truy tố các bị cáo Nguyễn Thị H và Lương Thanh T về tội: Mua bán trái phép chất ma túy và tội chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 và điểm d khoản 2 Điều 256 Bộ luật hình sự; Truy tố đối với bị cáo Chung Thị Tuyết M về tội: Mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại các điểm b, q khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo Nguyễn Thị H khai nhận: Hành vi phạm tội của bị cáo như bản Cáo trạng đã nêu là đúng, bị cáo H và bị cáo T chung sống với nhau vợ chồng đều không có việc làm ổn định. Vào rạng sáng ngày 30/01/2020, thông qua bị cáo M, bị cáo cùng bị cáo T mua của một đôi nam nữ tên T và Đ 5.200.000 đồng/hộp mười ma túy. Sau đó, bị cáo cùng bị cáo T góp tiền và nhờ bị cáo M trực tiếp đi mua ma túy với số tiền là 11.300.000 đồng. Mục đích về phân chia thành nhiều gói nhỏ bán lại cho các con nghiện kiếm lời. Ngoài ra, vào trưa ngày 03/2/2020, tại phòng trọ của bị cáo thì bị cáo còn cho các T, M và Nguyễn văn B sử dụng trái phép chất ma túy thì bị Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố B phối hợp cùng lực lượng Công an phường E phát hiện, bắt quả

tang. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các lời khai của bị cáo là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép cung, nhục hình gì.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Lương Thanh T khai nhận: Hành vi phạm tội của bị cáo như bản Cáo trạng đã nêu là đúng, bị cáo cùng bị cáo H, bị cáo M nhiều lần mua ma túy về và phân thành nhiều gói nhỏ bán kiếm lời. Mặt khác, bị cáo cùng bị cáo H nhiều lần cho bị cáo M, đối tượng B sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng trọ của mình.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Chung Thị Tuyết M khai nhận: Hành vi phạm tội của bị cáo như bản Cáo trạng đã nêu là đúng, bị cáo đã giúp bị cáo H, T nhiều lần mua ma túy và trưa ngày 03/02/2020, tại phòng trọ của bị cáo H, T thì bị cáo cùng bị cáo H, T, M và Nguyễn Văn B sử dụng trái phép chất ma túy thì bị Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố B phối hợp cùng lực lượng Công an phường E phát hiện, bắt quả tang. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các lời khai của bị cáo là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép cung, nhục hình gì.

Quá trình điều tra người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn B khai nhận: Vào trưa ngày 03/02/2020, tại phòng trọ của bị cáo H, T thì bị cáo cùng bị cáo H, T, M sử dụng trái phép chất ma túy thì bị Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố B phối hợp cùng lực lượng Công an phường Ea phát hiện, bắt quả tang.

Quá trình điều tra người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị P khai nhận: Việc các bị cáo cất giấu và sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng trọ do bà L quản lý, thì bà L không biết và không liên quan gì.

Quá trình điều tra người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đồng Thị Phương L khai nhận: Việc bà L có cho bị cáo H mượn tiền, nhưng bà L không biết việc bị cáo H mượn tiền đi mua ma túy, nay bà L không có yêu cầu gì đối với bị cáo H.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 251, điểm d khoản 2 Điều 256, điểm s, n khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H mức án từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù, về tội mua bán trái phép chất ma túy và từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù, về tội chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy.

Căn cứ Điều 55, 56 của Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt của bị cáo Nguyễn Thị H phải chấp hành chung của các bản án theo đúng quy định của pháp luật.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 251, điểm d khoản 2 Điều 256, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lương Thanh T mức án từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù, về tội mua bán trái phép chất ma túy và từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù, về tội chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy.

Căn cứ Điều 55 của Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt của bị cáo Lương Thanh T phải chấp hành chung của hai bản án theo đúng quy định của pháp luật.

Căn cứ điểm b, q khoản 2 Điều 251 điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Chung Thị Tuyết M mức án tù 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù, về tội mua bán trái phép chất ma túy.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với tổng khối lượng 3,7680gam ma túy loại Methamphetamine còn lại sau giám định và vỏ, bao gói trong phong bì niêm phong số 88/GĐMT-PC09 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk là tang vật của vụ án cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu iPhone 6 phía trước màu trắng mặt lưng màu vàng gắn sim số 0379888801, IMEI: 358369061843329; 01 điện thoại di động hiệu Mobiistar màu trắng không có nắp lưng model B223 gắn sim số 0945999901, 0944198090; 01 điện thoại di động hiệu itel màu xanh gắn sim số 0936551654 và số tiền 300.000 đồng là của bị cáo H, T, M có liên quan đến việc phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu iPhone 4 màu đen không gắn sim, IMEI: 013043000121777; 01 máy tính bảng hiệu Samsung màu trắng là tài sản của bị cáo Chung Thị Tuyết M không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo M nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án.

Các bị cáo không tranh luận, bào chữa, đối đáp gì với đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

Tại phần lời nói sau cùng các bị cáo tỏ thái độ ăn năn, hối cải và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để các bị cáo được hưởng các chính sách khoan hồng nhân đạo của pháp luật nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa về cơ bản là phù hợp với nhau, phù hợp với các lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Xét hành vi của các bị cáo Nguyễn Thị H, Lương Thanh T, mang cất giấu 3,8372gam ma túy Methamphetamine nhằm mục đích bán

kiếm lời và nhiều lần mua bán ma túy. Ngoài ra, bị cáo Chung Thị Tuyết M đã phụ giúp các bị cáo Nguyễn Thị H, Lương Thanh T nhiều lần mua ma túy để được hưởng lợi là phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b, q khoản 2 Điều 251 của Bộ luật hình sự.

Mặt khác, các bị cáo Nguyễn Thị H, Lương Thanh T đã nhiều lần chuẩn bị công cụ, phương tiện, cung cấp ma túy cho bị cáo Chung Thị Tuyết M và đối tượng Nguyễn Văn B sử dụng ma túy tại địa chỉ 120/6/1 đường Y, phường Ea, thành phố B là phạm tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 256 của Bộ luật hình sự.

Điều 251 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm.

b) Phạm tội 02 lần trở lên;

q) Tái phạm nguy hiểm.

Điều 256 Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào cho thuê, cho mượn địa điểm hoặc có bất kỳ hành vi nào khác chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 255 của Bộ luật này, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm.

d) Đối với 02 người trở lên.

[3] Xét tính chất, mức độ, hành vi, hậu quả phạm tội của các bị cáo Nguyễn Thị H, Lương Thanh T, Chung Thị Tuyết M là rất nghiêm trọng, không những đã xâm phạm đến sự độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các loại dược chất ma túy mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo nhận thức được rằng các loại dược chất ma túy đều thuộc sự độc quyền quản lý của Nhà nước, thông qua các cơ quan chức năng có thẩm quyền và phải tuân theo những trình tự, thủ tục nghiêm ngặt; mọi hành vi tàng trữ, vận chuyển, chứa chấp, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy đều bị trừng trị nghiêm khắc. Người nghiện ma túy là tự tàn phá sức khỏe, làm tổn hại giống nòi và còn là nguyên nhân làm lây truyền các căn bệnh xã hội, trong đó có đại dịch HIV/AIDS đang là vấn nạn của toàn nhân loại. Nhưng do ý thức coi thường pháp luật nên bị cáo H và bị cáo T chung sống với nhau vợ chồng đều không có việc làm ổn định. Vào rạng sáng ngày 30/01/2020, thông qua bị cáo M, bị cáo H cùng bị cáo T mua của một đôi nam, nữ tên T và Đ 5.200.000 đồng/hộp mười ma túy. Sau đó, vào tối ngày 01/02/2020 bị cáo H cùng bị cáo T góp tiền và nhờ bị cáo M trực tiếp đi mua ma túy với số tiền là 11.300.000 đồng. Mục đích, về phân chia thành nhiều gói nhỏ bán lại cho các con nghiện để kiếm lời với giá từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng/gói. Ngoài ra, vào

trưa ngày 03/02/2020 và trước đó nhiều lần tại phòng trọ của bị cáo H, T thì bị cáo H, T còn cung cấp công cụ, phương tiện, ma túy cho bị cáo M và đối tượng Nguyễn Văn B sử dụng trái phép chất ma túy nhiều lần. Vào ngày 30/01/2020 bị cáo Chung Thị Tuyết M giúp bị cáo H, T mua ma túy và vào tối ngày 01/02/2020 bị cáo M trực tiếp là người đi mua ma túy với số tiền 10.400.000 đồng cho bị cáo H, T để được hưởng lợi. Cho nên, đối với các bị cáo cần thiết phải áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, có như vậy mới phát huy được tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và góp phần răn đe, phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[4] Trong vụ án này các bị cáo phạm tội với vai trò, tội danh khác nhau nên cần phân tích để phân hóa trách nhiệm hình sự khi lượng hình đối với các bị cáo cho phù hợp.

Đối với bị cáo Nguyễn Thị H, Lương Thanh T là những người thông nhất và trực tiếp đi mua ma túy về phân thành gói nhỏ để bán kiếm lời và trực tiếp cung cấp công cụ, phương tiện, ma túy nhiều lần cho bị cáo M, đối tượng Nguyễn Văn B trực tiếp sử dụng ma túy tại phòng trọ của các bị cáo. Mặt khác, ngày 07/6/2019 bị cáo H bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tuyên phạt 03 năm 06 tháng tù về tội mua bán trái phép chất ma túy, tại Bản án số 144/2019/HSST, bị cáo chưa chấp hành án do đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà tiếp tục phạm tội nên bị cáo H phải chịu tình tiết tăng nặng là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Nên các bị cáo phải chịu mức hình phạt nghiêm khắc với hành vi phạm tội của mình và ngang bằng nhau là phù hợp.

Đối với bị cáo Chung Thị Tuyết M là người nhiều lần phụ giúp và trực tiếp đi mua ma túy cho bị cáo H, T nhằm mục đích hưởng lợi, nhân thân bị cáo M ngày 30/10/2013 bị Tòa án nhân dân Quận Thủ Đức xử phạt 09 tháng tù về tội “lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tại Bản án số 186/2013/HSST; Ngày 02/4/2015 bị Tòa án nhân dân Quận Thủ Đức xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tại Bản án số 99/2015/HSST; Ngày 26/10/2017 bị Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, tại Bản án số 278/2017/HSST, đến ngày 19/10/2019 chấp hành xong hình phạt tù, chưa được xóa án tích mà tiếp tục phạm tội nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng định khung là phạm tội 02 lần trở lên và tái phạm nguy hiểm. Cho nên hình phạt của bị cáo cao hơn bị cáo H, T về tội mua bán trái phép chất ma túy là phù hợp.

[5] Tuy nhiên, xét thấy sau khi phạm tội, tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là, tình tiết giảm nhẹ theo quy định của Bộ luật hình sự nên cần xem xét trong quá trình lượng hình để giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt nhằm thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật Nhà nước.

[6] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với tổng khối lượng 3,7680gam ma túy loại Methamphetamine còn lại sau giám định và vỏ, bao gói trong phong bì niêm phong số 88/GĐMT-PC09 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk là tang vật của vụ án cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu iPhone 6 phía trước màu trắng mặt lưng màu vàng gắn sim số 0379888801, IMEI: 358369061843329; 01 điện thoại di động hiệu Mobiistar màu trắng không có nắp lưng model B223 gắn sim số 0945999901, 0944198090 của bị cáo H; 01 điện thoại di động hiệu itel màu xanh gắn sim số 0936551654 của bị cáo M và số tiền 300.000 đồng của bị cáo T có liên quan đến việc phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu iPhone 4 màu đen không gắn sim, IMEI: 013043000121777; 01 máy tính bảng hiệu Samsung màu trắng là tài sản của bị cáo M không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo M nhưng tiếp tục tạm giữ đảm bảo công tác thi hành án.

[7] Đối với các đối tượng tên T, Đ bán ma túy cho bị cáo M, H, T, xét thấy hành vi phạm tội xảy ra tại Quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh nên Cơ quan điều tra có công văn trao đổi thông tin tội phạm đối với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Thủ Đức, để tiến hành điều tra xác minh theo thẩm quyền là phù hợp.

[8] Đối với Đồng Thị Phương L, quá trình làm việc tại cơ quan điều tra L khai nhận không biết việc bị can H mượn tiền để mua ma túy nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý trách nhiệm hình sự đối với L là có căn cứ.

[9] Đối với Nguyễn Văn B, quá trình điều tra xác định B không biết việc H, T mua bán ma túy nên cơ quan điều tra không đủ căn cứ xử lý trách nhiệm hình sự đối với B. Tuy nhiên, B có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy nên Công an thành phố Buôn Ma Thuột đã lập hồ sơ bàn giao cho chính quyền địa phương áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường theo quy định của pháp luật.

[10] Đối với bà Ngô Thị P là chủ dãy nhà trọ đã không biết việc các bị cáo H, T sử dụng dãy phòng trọ để mua bán, sử dụng trái phép chất ma túy nên Cơ quan Điều tra không đề cập xử lý trách nhiệm hình sự đối với bà P.

[11] Đối với đối tượng L, C, bán ma túy cho bị can T và người nam giới mua ma túy của bị cáo T, đến nay quá trình điều tra xác minh chưa xác định được nhân thân lai lịch do đó Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột tách hành vi bán trái phép chất ma túy của các đối tượng này ra khỏi vụ án tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý sau là phù hợp.

[12] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 251, điểm d khoản 2 Điều 256, điểm s, n khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 55, Điều 56 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” và tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị H 08 (tám) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và 07 (bảy) năm tù về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai bản án bị cáo phải chấp hành 15 (mười lăm) năm tù và tổng hợp với 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “mua bán trái phép chất ma túy” tại Bản án số 144/2019/HSST ngày 07/6/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tổng hình phạt mà bị cáo Nguyễn Thị H phải chấp hành là 18 (mười tám) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn bắt đầu chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 04/02/2020.

2. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 251, điểm d khoản 2 Điều 256, điểm s khoản 1 Điều 51 Điều 55 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Lương Thanh T phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” và tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”.

Xử phạt: Bị cáo Lương Thanh T 08 (tám) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và 07 (bảy) năm tù về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai bản án bị cáo Lương Thanh T phải chấp hành 15 (mười lăm) năm tù. Thời hạn bắt đầu chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 04/02/2020.

3. Căn cứ vào điểm b, q khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Chung Thị Tuyết M phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Xử phạt: Bị cáo Chung Thị Tuyết M 08 năm 03 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 04/02/2020.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật.

Tịch thu tiêu hủy: 3,7680gam ma túy loại Methamphetamine còn lại sau giám định và vỏ, bao gói trong phong bì niêm phong số 88/GĐMT-PC09 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk.

Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu iPhone 6 phía trước màu trắng mặt lưng màu vàng gắn sim số 0379888801, IMEI: 358369061843329; 01 điện thoại di động hiệu Mobiistar màu trắng không có nắp lưng model B223 gắn sim số 0945999901, 0944198090, của bị cáo Nguyễn Thị H; 01 điện thoại di động hiệu itel màu xanh gắn sim số 0936551654 của bị cáo Chung Thị Tuyết M và số tiền 300.000 đồng của bị cáo Lương Thanh T.

Trả lại cho bị cáo Chung Thị Tuyết M: 01 điện thoại di động hiệu iPhone 4 màu đen không gắn sim, IMEI: 013043000121777; 01 máy tính bảng hiệu Samsung màu trắng nhưng tiếp tục tạm giữ đảm bảo công tác thi hành án.

(Đặc điểm, khối lượng như biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B và Chi cục Thi hành án thành phố B ngày 17/8/2020).

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Thị H, Lương Thanh T, Chung Thị Tuyết M mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án công khai.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKS TP. BMT;
- Chi cục THA TP. B;
- Công an TP. BMT;
- VKS tỉnh Đắk Lắk;
- TA tỉnh Đắk Lắk;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo, đương sự;
- Lưu HS vụ án, VPCQ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(ĐÃ KÝ)

Lê Đình Thanh